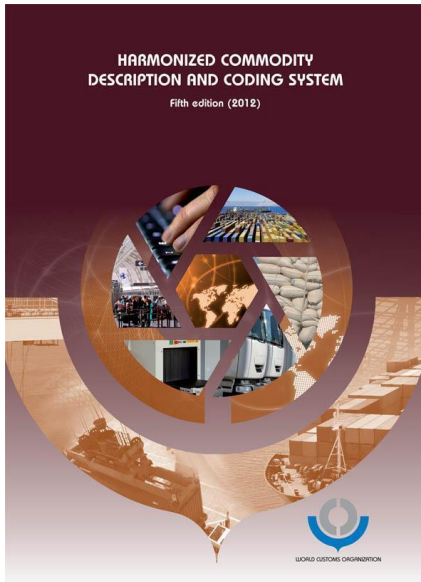


CÔNG ƯỚC HS



NỘI DUNG

Cung cấp nội dung tổng quát về Công ước HS:

- + Lịch sử hình thành và phát triển của công ước HS
- + Nội dung công ước
- + Vai trò và sự điều hành HS
- + Cấu trúc HS
- + Các diễn đạt dùng trong HS
- + Ý nghĩa pháp lý của các ấn phẩm bổ sung

Công ước HS – Lịch sử

- Năm 1931 bản dự thảo thống nhất danh mục đầu tiên được thông qua, tên gọi Danh mục Giơ – ne – vơ. Danh mục gồm 21 phần, 86 chương; chưa có quy định nào quy định nguyên tắc áp dụng và xử lý tranh chấp khi thực hiện ở các nước thành viên
- Ngày 15/12/1950, Công ước Brussel kèm theo danh mục hàng hóa được ra đời, hiệu lực từ 11/9/1959 (Danh mục biểu thuế Brussel)

Công ước HS – Lịch sử

- Năm 1974 Danh mục biểu thuế Brussel đổi tên thành Danh mục hàng hóa của hội đồng hợp tác hải quan (sau đổi tên thành Tổ chức hải quan thế giới)
- Năm 1983 công ước HS được thông qua tại Brussels
- Hiệu lực ngày 01/01/1988
- Áp dụng với hơn 98% thương mại hàng hóa.
- 212 các nước, vùng lãnh thổ, tổ chức sử dụng công ước.

Công ước HS - Lịch sử

Các lần sửa đổi

Hiệu lực 1988

HS code: 5019

Sửa đổi 1992

HS code: 5018

Sửa đổi 1996: 393 bộ sửa đổi

HS code: 5113

Sửa đổi 2002: 374 bộ sửa đổi

HS code: 5225

Sửa đổi 2007: 354 bộ sửa đổi

HS code: 5052

Sửa đổi 2012: 225 bộ sửa đổi

HS code: 5205

Sửa đổi 2017: 233 bộ sửa đổi

HS code: 5387

Sửa đổi 2022: 351 bộ sửa đổi

HS code: 5612

Việt Nam tham gia Công ước HS

- Việt Nam tham gia công ước HS ngày 1/7/1993.
- Phê chuẩn ngày 06/03/1998
- Có hiệu lực ngày 01/01/2000
- Theo sự phê chuẩn này, Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ Danh mục HS để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho mục đích tính thuế và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, an ninh quốc gia.

Mục tiêu của Công ước HS

- (i) Tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế và thu thập, so sánh và phân tích số liệu thống kê bằng hài hoà giữa mô tả, phân loại và mã hoá hàng hoá trong thương mại quốc tế;
- (ii) Để giảm các chi phí liên quan đến thương mại quốc tế và;
- (iii) Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu chuẩn hóa các tài liệu thương mại và truyền dữ liệu.

Mục đích của Công ước HS

- Cơ sở cho các biểu thuế Hải quan;
- Cơ sở cho việc thu thập số liệu thống kê thương mại quốc tế;
- Cơ sở cho quy tắc xuất xứ;
- Cơ sở cho việc thu thuế nội bộ;
- Cơ sở cho các cuộc đàm phán thương mại (ví dụ, các lộ trình cam kết về thuế với WTO và các Hiệp định Thương mại Tự do);
- Làm cơ sở cho việc thống kê và biểu giá vận tải;

Mục đích của Công ước HS

- Cơ sở cho việc giám sát hàng hóa được kiểm soát (ví dụ, chất thải, chất ma túy, vũ khí hóa học, chất làm suy giảm tầng ôzôn và các loài có nguy cơ tuyệt chủng);
- Là một yếu tố quan trọng trong các lĩnh vực quy trình Hải quan cốt lõi về kiểm soát và thủ tục Hải quan, bao gồm đánh giá rủi ro, công nghệ thông tin và tuân thủ.

Các đối tượng sử dụng HS

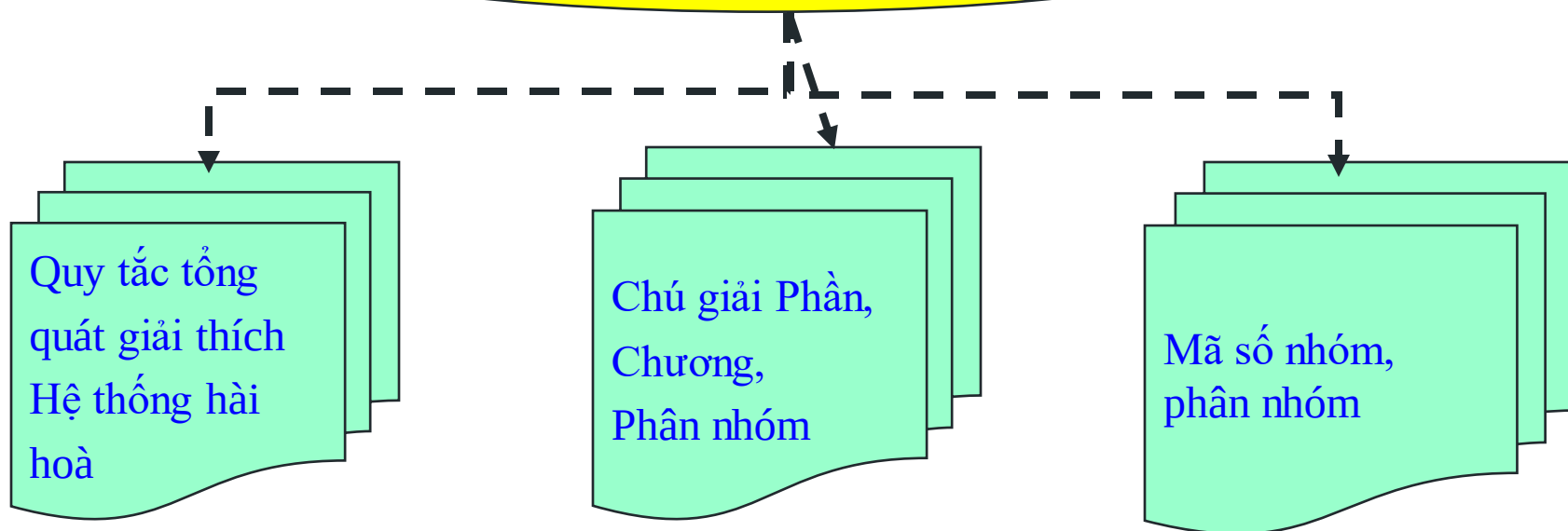
- Cơ quan Hải quan;
- Đại lý thủ tục hải quan;
- Các công ty xuất nhập khẩu;
- Nhà sản xuất;
- Tổ chức và công ty vận tải;
- Tổ chức quốc tế và tổ chức liên chính phủ;
- Chuyên gia pháp luật về Hải quan;
- Chuyên gia và nhà đàm phán thương mại quốc tế;
- Nhà thống kê và phân tích kinh tế;
- Tổ chức và hiệp hội ngành hàng;
- Đối tượng khác.

CẤU TRÚC CÔNG ƯỚC HS

1/ Phần thân:

- Lời mở đầu: Nêu lý do tại sao cộng đồng quốc tế ủng hộ việc áp dụng HS
- Điều 1 – 20: các quy định về nghĩa vụ của các thành viên, vai trò của Hội đồng và Ủy ban HS, giải quyết tranh chấp giữa các thành viên và thủ tục sửa đổi

2/ Phụ lục công ước HS:



Điều khoản

- Điều 1: Khái niệm các thuật ngữ
- Điều 2: Phụ lục
- Điều 3: Trách nhiệm của các nước thành viên
- Điều 4: Chấp nhận áp dụng từng phần của các nước đang phát triển
- Điều 5: Hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển
- Điều 6: Công ước HS
- Điều 7: Chức năng của Ủy ban HS
- Điều 8: Vai trò Hội đồng hợp tác hải quan
- Điều 9: Thuế quan
- Điều 10: Giải quyết tranh chấp

Điều khoản (*tiếp theo*)

Điều 11: Điều kiện trở thành thành viên công ước

Điều 12: Thủ tục trở thành thành viên công ước

Điều 13: Hiệu lực

Điều 14: Áp dụng HS tại các vùng lãnh thổ phụ thuộc

Điều 15: Rút khỏi Công ước

Điều 16: Thủ tục sửa đổi

Điều 17: Quyền của các bên tham gia

Điều 18: Bảo lưu

Điều 19: Thông báo của Tổng thư ký

Điều 20: Đăng ký tại LHQ

ĐIỀU HÀNH CÔNG ƯỚC

- Hội đồng Hợp tác Hải quan (Customs Co-operation Council)
- Ủy ban HS (HS Committee)
- Các nước thành viên (Contracting Parties)

Ủy ban HS

(Điều 6)

1. Ủy ban HS bao gồm các đại diện của mỗi thành viên.
2. Họp ít nhất 2 lần một năm
4. Trong Ủy ban HS, mỗi thành viên sẽ có quyền một phiếu bầu.
8. Thành lập các Tiểu ban như Tiểu ban HS, Tiểu ban kỹ thuật,.. hoặc các Ban Công tác khi cần thiết.

Nhiệm vụ các nước thành viên

(Điều 3)

- Xây dựng Danh mục thuế, Danh mục thống kê phù hợp với Danh mục HS, cụ thể là:
 - + Sử dụng các mã số của HS (4 và 6 số) không có bất cứ sự thay đổi và bổ sung nào.
 - + Áp dụng GIR, các chú giải pháp lý, không có bất cứ sự thay đổi nào đến phạm vi áp dụng của chúng
 - + Tuân thủ mọi tuần tự số học của HS
- Cung cấp công khai số liệu thống kê hàng hoá xuất nhập khẩu (phân loại đến cấp độ 4 số và 6 số).
- Được mở rộng phân loại hàng hoá trên cấp độ mã số HS (trên mức độ mã số 6 số)

4/ DANH MỤC HS

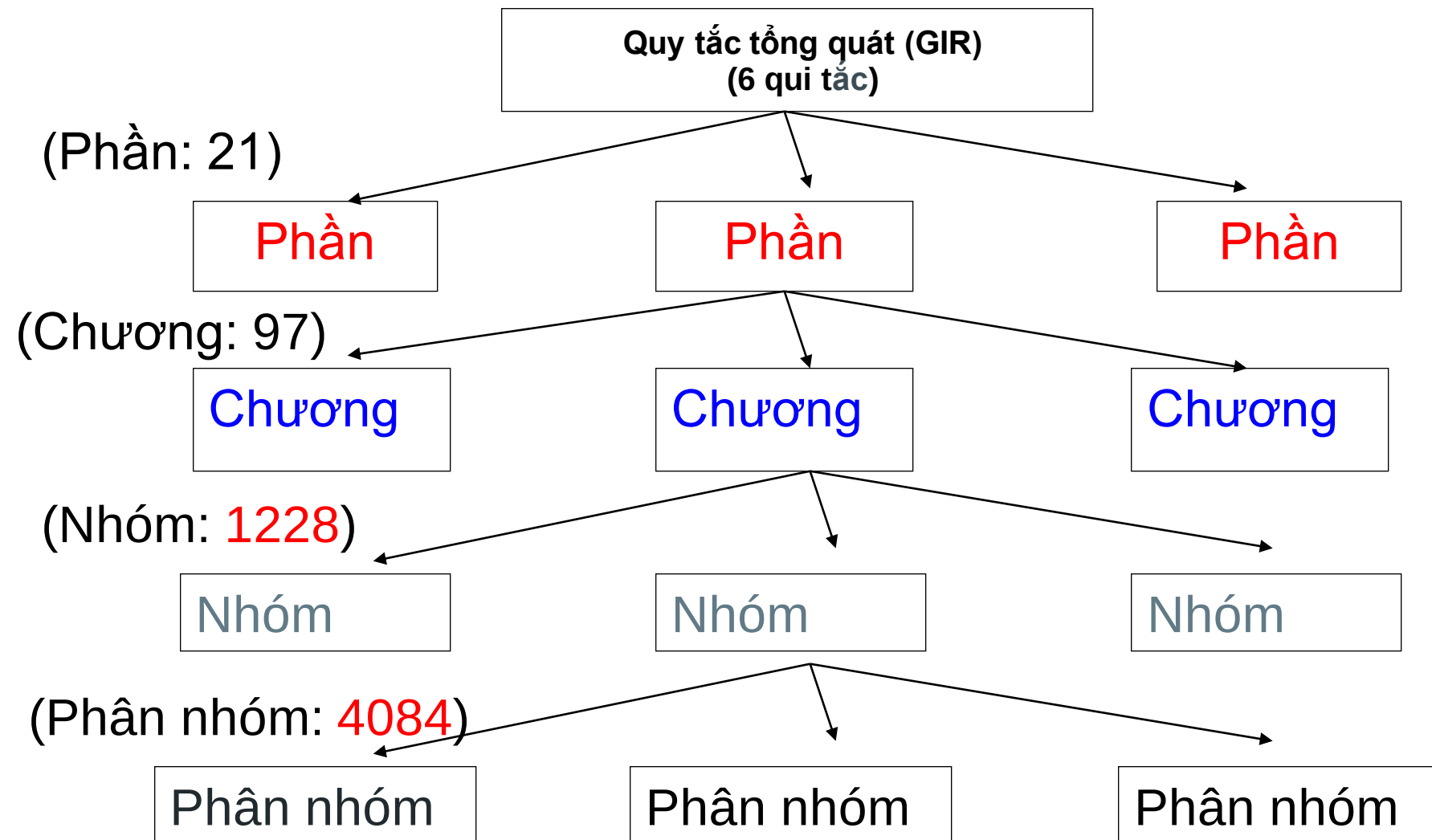
(Hệ thống Hải hoà mô tả và mã hoá hàng hoá)

- Gọi tắt là Hệ thống Hải hoà (Harmonized System/ HS Nomenclature)
- Là bộ phận không tách rời của Công ước (trình bày tại Phụ lục Công ước)
- Được các thành viên áp dụng đầy đủ, không bổ sung hay sửa đổi .

CẤU TRÚC DANH MỤC HS

- **Các quy tắc tổng quát giải thích Hệ thống
Hài hoà (General Interpretation Rules/ GIR)**
- **Chú giải Phần, Chương, Phân nhóm (Chú
giải bắt buộc / legal notes)**
- **Nhóm hàng; Phân nhóm hàng và mã số số
học của chúng (các mã 4 số, mã 6 số)**

HS 2022



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG KHI NGHIÊN CỨU HS

- Cấp độ chi tiết
- Cấu trúc mã số
- Vai trò các dấu câu
- Cách diễn đạt của Chú giải pháp lý

CẤP ĐỘ CHI TIẾT CỦA HS

Phần > Chương > Nhóm > Phân nhóm
(Rộng) (Chi tiết)

Ví dụ: Phân loại cừu sống

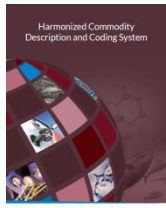
Phần I: Động vật sống, sản phẩm động vật

Chương 1: Động vật sống

Nhóm 01.04: Cừu và dê sống

Phân nhóm 0104.10: Cừu

Harmonized System (HS)



2017



(HS 08.06)



(HS 20.09)



(HS 22.04)



(HS 22.09)

Cấu trúc mã số:

*** Cấu trúc mã số nhóm hàng**

- Hai chữ số đầu: số Chương
- Số thứ 3, thứ 4: Vị trí của nhóm hàng trong Chương

*** Cấu trúc mã số phân nhóm hàng**

Mỗi nhóm hàng có thể được chia tiếp thành 2 hay nhiều phân nhóm

Mã số nhóm hàng	Mã số phân nhóm hàng	Mô tả hàng hóa
28.02	2802.00	Lưu huỳnh, thăng hoa hoặc kết tủa; lưu huỳnh dạng keo
28.04		Hydro, khí hiếm và các phi kim loại khác
	2804.10	- Hydro
		- Khí hiếm :
	2804.21	- - Argon
	2804.29	- - Loại khác

Vai trò các dấu câu

1. Dấu phẩy (,)

Phân tách từng mặt hàng trong một loạt các mặt hàng được liệt kê trong mô tả hàng hóa hoặc diễn giải một loạt các tiêu chí mô tả được sử dụng.

2. Dấu chấm phẩy (;)

Thể hiện sự ngắt câu đầy đủ, phân tách các mặt hàng trong đoạn mô tả thành các phần độc lập nhau.

3. Dấu hai chấm (:)

Cho biết là sẽ có một danh sách các mặt hàng liệt kê ngay sau đó hoặc sẽ có sự phân chia thành các phân nhóm hàng tiếp theo.

4. Dấu chấm (.)

Thể hiện sự kết thúc của một câu/ đoạn mô tả tập hợp hàng hóa trong nhóm hàng.

Ví dụ về vai trò dấu phẩy

41.15 Da thuộc tổng hợp có thành phần cơ bản là da thuộc hoặc sợi da thuộc, dạng tấm, tấm mỏng hoặc dạng dải, có hoặc không ở dạng cuộn;

(Dấu phẩy ở đây được sử dụng để liệt kê/ diễn giải một loạt các tiêu chí mô tả: “dạng tấm, tấm mỏng hoặc dạng dải, có hoặc không ở dạng cuộn” để mô tả mặt hàng “Da thuộc tổng hợp có thành phần cơ bản là da thuộc hoặc sợi da thuộc”)

Ví dụ vai trò dấu chấm phẩy

42.02 Hòm, vali, xách đựng đồ nữ trang, cặp tài liệu, cặp sách, túi sách, túi cặp học sinh, bao kính, bao ống nhòm... và các loại đồ chứa tương tự; túi du lịch, túi đựng đồ ăn hoặc đồ uống có phủ lớp cách, túi đựng đồ vệ sinh cá nhân, ba lô, túi xách tay, túi đi chợ... và các loại túi hộp tương tự bằng da thuộc hoặc da thuộc tổng hợp, bằng tấm plastic, bằng vật liệu dệt, bằng sợi lưu hóa hoặc bằng bìa, hoặc được phủ toàn bộ hay chủ yếu bằng các vật liệu trên hoặc bằng giấy.

Ví dụ vai trò dấu chấm phẩy

Dấu chấm phẩy được dùng để phân chia các mặt hàng trong nhóm thành 2 phần: phần đầu chỉ các hàng hóa làm từ vật liệu bất kỳ; phần thứ hai chỉ các hàng hóa làm từ một số vật liệu nhất định như da thuộc, plastic, vật liệu dệt...

Ví dụ vai trò dấu hai chấm

52.04 Chỉ khâu làm từ bông, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ.

- Chưa đóng gói để bán lẻ:

5204.11 - - Có tỷ trọng bông từ 85% trở lên

5204.19 - - Loại khác

5204.20 - Đã đóng gói để bán lẻ

(Dấu hai chấm sau từ “bán lẻ” ở cấp độ phân nhóm hàng 1 gạch chỉ ra rằng phân nhóm hàng 1 gạch này còn được phân chia thành các phân nhóm hàng hai gạch, cụ thể là: “Có tỷ trọng bông từ 85% trở lên” và “loại khác”)

Ví dụ vai trò dấu chấm

42.03 Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo bằng da thuộc hoặc bằng da tổng hợp.

(Dấu chấm chỉ ra sự kết thúc mô tả của nhóm hàng. Chỉ những mặt hàng mô tả trong đó mới được phân loại theo các diễn giải của nhóm hàng)

DIỄN GIẢI CỦA CHÚ GIẢI PHÁP LÝ

Chú giải pháp lý – sự áp dụng của chúng

Chức năng: Xác định phạm vi và giới hạn cụ thể của từng Phần, Chương, Nhóm, Phân nhóm

Chú giải Phần, Chương: Chú giải này xác định phạm vi của từng Phần, Chương và Nhóm hàng (tới 4 số)

Chú giải Phân nhóm: Chú giải này chỉ diễn giải cho phân nhóm

Chú giải pháp lý

Chương 39

Plastic và các sản phẩm bằng plastic

Chú giải.

1. Trong toàn bộ Danh mục khái niệm “plastic” có nghĩa là các loại nguyên liệu thuộc các nhóm 39.01 đến 39.14 có khả năng tạo thành hình dạng dưới tác động bên ngoài (thường là nhiệt độ và áp suất, nếu cần có thể thêm dung môi hay chất hóa dẻo) tại thời điểm polyme hóa hoặc tại các giai đoạn tiếp theo bằng phương pháp đúc, đổ khuôn, đùn, cán hay các quá trình tạo hình khác và giữ nguyên hình dạng khi không còn tác động bên ngoài.

Chương 40

Cao su và các sản phẩm bằng cao su

Chú giải.

1. Trừ khi có yêu cầu khác, trong toàn bộ Danh mục, khái niệm “cao su” chỉ những sản phẩm dưới đây, đã hoặc chưa lưu hóa hoặc ở dạng cứng: cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kút, nhựa cây cúc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, cao su tổng hợp, các chất thay thế cao su thu được từ các loại dầu, và những chất như vậy được tái sinh.

Chú giải 1 của Chương 39 và 40 là các ví dụ về đặc biệt chú giải chương ảnh hưởng đến TOÀN BỘ DANH MỤC!!

Chú giải pháp lý

Chương 38

5. Theo mục đích của nhóm 38.25, “bùn cặn của nước thải” có nghĩa là bùn cặn thu được từ nhà máy xử lý nước thải đô thị và kể cả phế thải trước khi xử lý, các chất phát sinh do cọ rửa và bùn cặn chưa làm ổn định. Bùn cặn đã làm ổn định khi thích hợp để sử dụng như phân bón bị loại trừ (Chương 31).

6. Theo mục đích của nhóm 38.25, khái niệm “chất thải khác” áp dụng đối với:

(a) Rác thải bệnh viện, là rác thải bắt từ việc nghiên cứu y khoa, chẩn đoán, điều trị hoặc từ các khâu y khoa khác, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, thường chứa các mầm bệnh và các chất dược liệu và đòi hỏi quy trình xử lý đặc biệt (ví dụ, băng bản, găng tay đã sử dụng và ống tiêm đã sử dụng);

Chú giải 5, 6 chương 38 chỉ ảnh hưởng đến phạm vi của nhóm tương ứng

Chú giải pháp lý

Chương 38

Chú giải phân nhóm.

1. Phân nhóm 3808.52 và 3808.59 chỉ bao gồm những hàng hoá thuộc nhóm 38.08, chứa một hay nhiều các chất sau đây:alachlor (ISO); adicarb (ISO); aldrin (ISO); azinphos-methyl (ISO); binapacryl (ISO); camphechlor (ISO) (toxaphene); captafol (ISO); chlordane (ISO); carbofuran (ISO); chlordimeform (ISO); chlorobenzilate (ISO); DDT (ISO) (clofenotane (INN), 1,1,1-trichloro-2,2-bis(p-chlorophenyl)ethane); dieldrin (ISO, INN); 4,6-dinitro-o-cresol (DNOC (ISO)) hoặc muối của nó; dinoseb (ISO), các muối hoặc các este của nó; endosulfan (ISO); ethylene dibromide (ISO) (1,2-dibromoethane); ethylene dichloride (ISO) (1,2-dichloroethane); fluoroacetamide (ISO); heptachlor (ISO); hexachlorobenzene (ISO); 1,2,3,4,5,6-hexachlorocyclohexane (HCH (ISO)), kể cả lindane (ISO, INN); các hợp chất của thủy ngân; methamidophos (ISO); monocrotophos (ISO); oxirane (ethylene oxide); parathion (ISO); parathion-methyl (ISO) (methyl-parathion); pentachlorophenol (ISO), các muối hoặc các este của nó; perfluorooctane sulphonic axit và các muối của nó; perfluorooctane sulphonamides; perfluorooctane sulphonyl fluoride; phosphamidon (ISO); 2,4,5-T (ISO) (2,4,5-trichlorophenoxyacetic axit), các muối của nó hoặc các este của nó; các hợp chất tributyltin; trichlorfon (ISO).

Chú giải phân nhóm 1 chương 38 chỉ ảnh hưởng đến phạm vi của phân nhóm mà nó đề cập

Cách diễn giải của Chú giải pháp lý

Chú giải loại trừ: Giới hạn phạm vi của Phần, chương, nhóm và phân nhóm

Chú giải định nghĩa: Khái niệm phạm vi của các từ, nhóm từ hay các diễn đạt khác

Chú giải định hướng: Định hướng để làm thế nào phân loại một hàng hóa cụ thể

Chú giải bao gồm: Bao trùm một danh sách không giới hạn các ví dụ hàng hóa điển hình được phân loại vào một nhóm cụ thể

CHÚ GIẢI LOẠI TRỪ

(Ví dụ):

Chú giải 1 Chương 17

“1.- Chương này không bao gồm:

- (a) Kẹo đường có chứa ca cao (thuộc nhóm 18.06)
- (b) Đường tinh khiết về mặt hóa học (trừ đường sucrose, lactose, maltose, glucose and fructose) hoặc các sản phẩm khác của nhóm 29.40; hoặc
- (c) Thuốc hoặc các sản phẩm khác thuộc chương 30.”

CHÚ GIẢI ĐỊNH NGHĨA

(Ví dụ)

Chú giải 6 Chương 49

6. Theo mục đích nhóm 49.03, cụm từ “sách tranh ảnh cho trẻ em” **có nghĩa là** loại sách dành cho trẻ em trong đó chủ yếu là tranh ảnh, lời chỉ là phụ.

CHÚ GIẢI ĐỊNH HƯỚNG

(Ví dụ):

Chú giải 3 Chương 4:

- 3.- Các sản phẩm thu được từ quá trình cô đặc whey có pha thêm sữa hoặc chất béo được phân loại như phomat trong nhóm 04.06 nếu đạt 3 tiêu chuẩn sau:
- (a) Hàm lượng chất béo sữa chiếm từ 5% trở lên, tính theo trọng lượng ở thể khô;
 - (b) Hàm lượng chất khô tối thiểu là 70% nhưng không quá 85%, tính theo trọng lượng; và
 - (c) Sản phẩm được đóng khuôn hoặc có thể được đóng khuôn

CHÚ GIẢI BAO GỒM

(Ví dụ):

Chú giải 4 Chương 30

“4.- Nhóm 30.06 chỉ áp dụng cho các chất sau đây, những chất này phải xếp vào nhóm này và không thể đưa vào nhóm nào khác của danh mục:

(a). Chỉ catgut phẫu thuật vô trùng, các vật liệu khâu vô trùng tương tự (kể cả chỉ phẫu thuật tự tiêu vô trùng hoặc chỉ nha khoa) và băng dính vô trùng dùng băng các vết thương phẫu thuật...

(k) ”

CÁC SẢN PHẨM BỔ SUNG

- ◎ Chú giải chi tiết (The Explanatory Notes to the HS/ E.Notes)
- ◎ Ý kiến phân loại (The Compendium of Classification Opinions /OP)
- ◎ Danh mục phân loại theo bảng chữ cái (The Alphabetical Index to the HS)



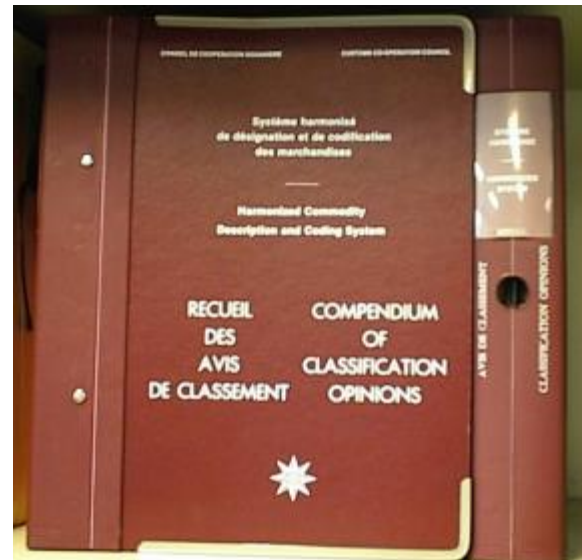
1. Dễ áp dụng HS
2. Thống nhất giải thích và áp dụng HS

CHÚ GIẢI CHI TIẾT



- © Là sự giải thích chính thức của HS
- © Phần bổ sung không thể thiếu của HS

TẬP HỢP Ý KIẾN PHÂN LOẠI



- ◎ Trình bày theo thứ tự của nhóm, phân nhóm theo HS
- ◎ Do WCO thông qua
- ◎ Có tính cụ thể, thực tiễn

Danh mục phân loại theo bảng chữ cái

- ◎ Danh mục hàng hóa và sản phẩm đề cập trong HS và Chú giải chi tiết được sắp xếp theo trật tự chữ cái
- ◎ Do WCO phát hành

Tài liệu tham khảo

- Công ước HS, WCO
- Chú giải chi tiết, WCO
- Các tài liệu khác có liên quan...

Xin chân thành cảm ơn!